

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ NINH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 15/3/2022

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thạch, bà Lê Thị Sỹ

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1981, có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1980, có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng Chính sách Xã hội -Do ông Dương Quyết T, chức vụ: Tổng giám đốc đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đặng Văn D, chức vụ: Phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Địa chỉ: Khối phố Tam Cẩm, thị trấn Phú Thịnh, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Hữu T tự tìm hiểu đến với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Trong quá

trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T ham mê cờ bạc, dẫn đến bạo lực gia đình, đánh vợ, con. Vì vậy bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hữu T.

Về con chung: Vợ chồng bà Th có bốn người con chung là Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 2001; Nguyễn Phi H1, sinh năm 2002; Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 2007 và Nguyễn Phi H2, sinh năm 2013. Khi ly hôn bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Th được nuôi hai người con là Nguyễn Thị Mỹ T; Nguyễn Phi H2 và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng bà Th có vay của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, chi nhánh phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phú Ninh tỉnh Quảng Nam số tiền là 11.000.000 đồng do bà Th đứng tên vay. Bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T cùng có trách nhiệm trả nợ ngân hàng. Tại phiên tòa, bà Th nhận trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng khi đến hạn thanh toán.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Th về quan hệ hôn nhân và con chung. Về mâu thuẫn gia đình, ông thừa nhận trước đây ông có ham mê cờ bạc và có hành vi bạo lực với bà Th. Hiện nay thì không có chơi cờ bạc hay bạo lực, vợ chồng có hay cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Ông thấy mâu thuẫn chưa đến mức phải ly hôn nên ông không đồng ý ly hôn, ông mong muốn đoàn tụ gia đình để nuôi con.

Về nuôi con chung: Khi ly hôn, ông có nguyện vọng nuôi một người con là Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 20/5/2007, nếu các con ở hết với mẹ thì ông cũng đồng ý và cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Nợ ngân hàng chính sách xã hội 11.000.000 đồng, ông đề nghị chia đôi cho hai người cùng trả, nếu bà Th nhận trả nợ thì ông đồng ý.

Tại đơn yêu và tại phiên tòa, ông Đặng Văn D người đại diện theo ủy quyền lại của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Vợ chồng bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Hữu T có vay tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phú Ninh chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn số tiền 11.000.000 đồng. Hiện nay, còn nợ Ngân hàng số tiền 11.000.000 đồng, nếu vợ chồng ông T, bà Th ly hôn thì đề nghị Tòa án xét xử giao khoản nợ đã vay cho người có khả năng trả nợ cho ngân hàng số tiền gốc và lãi phát sinh.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th. Cho bà

Nguyễn Thị Th ly hôn với ông Nguyễn Hữu T. Giao cháu Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 2007 và Nguyễn Phi H2, sinh năm 2013 cho bà Th nuôi dưỡng, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Giao cho bà Th có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Chính sách Xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam số tiền đã vay là 11.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh khi đến hạn thanh toán.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn và yêu cầu giải quyết về nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Hữu T cư trú tại thôn B, xã T, huyện P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam là đúng theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Th và ông T xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 1999 tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong thời gian chung sống giữa bà Th và ông T có nhiều mâu thuẫn, do ông T chơi cờ bạc và có hành vi bạo lực gia đình. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết, Tòa án nhiều lần triệu tập hòa giải nhưng ông T không tham gia hòa giải, điều đó chứng tỏ ông T không có thiện chí trong việc hàn gắn quan hệ hôn nhân. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th là đúng quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: bà Th và ông T có 04 con chung nhưng có hai người con đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nên không xem xét giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Thị Mỹ T và Nguyễn Phi H2, bà Th có yêu cầu nuôi dưỡng cả hai cháu, ông T có yêu cầu nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Mỹ T. Xét thấy, cháu H2 có nguyện vọng ở với mẹ, cháu T không có ý kiến ở với ai. Tuy nhiên, cháu T là con gái đang ở độ tuổi dậy thì nên cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ, do đó giao cháu T cho bà Th nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của con. Vì vậy, giao cho bà Th nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Mỹ T và Nguyễn Phi H2 là phù hợp, đúng pháp luật. Về mức cấp dưỡng nuôi con chung: bà Th yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng và ông T đồng ý. Vì vậy, chấp nhận mức cấp dưỡng mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của các bên theo quy định tại Điều 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về chia tài sản: bà Th và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Đối với khoản nợ vay Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam, bà Th và ông T phải có nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, bà Th tự nguyện nhận nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và Ngân hàng thống nhất. Vì vậy, giao cho bà Th có nghĩa vụ trả nợ vay 11.000.000 đồng và lãi phát sinh cho Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam khi đến hạn thanh toán là phù hợp, đúng pháp luật.

[3] Về án phí: bà Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 37, 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Hữu T ly hôn.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 20/5/2007 và Nguyễn Phi H2, sinh ngày 22/3/2013 cho bà Nguyễn Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi cháu 2.000.000 (*hai triệu*) đồng/tháng cho đến khi các cháu thành niên, đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nói trên, nếu bên phải thi hành án không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Chính sách Xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam số tiền vay là 11.000.000 (*Mười một triệu*) đồng và khoản tiền lãi phát sinh khi đến hạn thanh toán.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng bà Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0010280, ngày

28/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. bà Th đã nộp đủ tiền án phí. Ông Nguyễn Hữu T phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/3/2022) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Tam Lãnh;
- VKSND huyện Phú Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã Ký)

Lê Trung Thành

